

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11/3/2021

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Thuận

2. Ông Nguyễn Ngọc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D; Sinh năm: 1991

HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu H; Sinh năm: 1991

HKTT: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện đang chấp hành án tại: Phân trại K1, Trại giam số 6, Cục C10, Bộ Công an.

Địa chỉ: Xã H, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2020, bản tự khai ngày 30/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh

Hóa vào ngày 21/3/2011. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Thêm vào đó, anh H không chịu khó làm ăn, ham chơi bởi bạn bè mà sa vào con đường nghiện ngập ma túy và hiện đang phải chấp hành án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đến nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/11/2020 và đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 17/01/2021, anh Nguyễn Hữu H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21/3/2011 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên đôi lúc xảy ra cãi cọ. Bản thân anh bị bạn bè lôi kéo, rủ rê nên đã sa vào con đường nghiện ngập và phạm tội, hiện nay đang phải chấp hành án phạt tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Nay chị D làm đơn ly hôn anh, anh cũng đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H cũng đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và cho anh được vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đồng thời anh cũng xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Hữu H mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, đề nghị áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị D được ly hôn anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ nên căn cứ khoản 2 Điều 97; Khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS), Điều 27 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016, TAND huyện Thạch Thành thông báo cho VKSND huyện Thạch Thành biết để thực hiện chức năng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2]. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh H xin vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh H và đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh H theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Cả chị D và anh H có đơn đề nghị không tiến hành hòa nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, anh H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh H.

[5]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Hữu H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 21/3/2011 không vi phạm các cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H ham chơi bời, bạn bè và sa vào con đường nghiện ngập ma túy, không quan tâm đến gia đình. Hiện tại, anh H đang phải đi chấp hành án tại trại giam số 6 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Việc này, bản thân anh H cũng thừa nhận. Nay cả chị D và anh H đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Hữu H.

[6]. Về con chung: Vợ chồng không có con chung, chị D và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về tài sản: Chị D và anh H không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[8] Về án phí: Chị D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Hữu H.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền chị D đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2018/0002918; Ngày 27/10/2020. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Nguyễn Thị D vắng mặt anh Nguyễn Hữu H. Chị D có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc